

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình cấp GCN QSD đất cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Đức Cơ**

Thực hiện Quyết định số 100/QĐ-HĐND-BDT ngày 24/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai: Thành lập Đoàn giám sát “ Tình hình cấp giấy chứng nhận QSD đất cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Gia Lai. UBND huyện báo cáo tình hình cấp giấy chứng nhận QSD đất cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Đức Cơ, cụ thể như sau.

#### **I. Khái quát tình hình đặc điểm, tình hình triển khai, thực hiện cấp GCN QSD đất tại địa phương theo quy định của Luật đất đai năm 2013:**

##### **1. Khái quát, đặc điểm tình hình chung:**

Đức Cơ là huyện biên giới nằm ở phía Tây tỉnh Gia Lai, cách trung tâm thành phố Pleiku khoảng 50km. Ranh giới: Phía bắc giáp huyện Ia Grai, phía nam và đông nam giáp huyện Chư Prông, phía tây giáp Vương Quốc CamPuChia; có Quốc Lộ 19 - là trục giao thông chiến lược gắn với cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh, có Quốc lộ 14C gắn với tuyến hành lang biên giới Việt Nam - Cam Pu Chia. Huyện có 10 đơn vị hành chính gồm 09 xã và 01 thị trấn; với 73 thôn, làng, tổ dân phố.

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 72.186 ha; trong đó:

- + Đất nông nghiệp: 67.031,5 ha chiếm 92,86% diện tích tự nhiên.
- + Đất phi nông nghiệp: 4.640,4 ha chiếm 6,43% diện tích tự nhiên.
- + Đất chưa sử dụng: 514,1 ha chiếm 0,71% diện tích tự nhiên.

Tổng dân số toàn huyện khoảng 75.718 người, trong đó người dân tộc thiểu số 16.658 hộ/ 75.718 khẩu; chiếm 45% dân số toàn huyện .

Là một huyện miền núi, trình độ dân trí còn thấp, thu nhập của người dân chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp nên đời sống còn gặp nhiều khó khăn do giá cả các mặt hàng nông sản thường không ổn định, vì vậy tỷ lệ hộ nghèo còn khá cao; chiếm 8,19% (1.545 hộ); hộ cận nghèo chiếm 11,31% (2.133 hộ).

- Diện tích đất nông nghiệp ĐBDTTS đang sử dụng, quản lý: 12.157,42 ha. Trong đó:

- + Đất trồng lúa: 819,07 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 3.886,46 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 7.449,08 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 2,81 ha



## **2. Công tác triển khai thực hiện Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, địa phương liên quan đến cấp QCN QSD đất.**

Trên cơ sở Luật Đất đai năm 2013, các văn bản quy định chi tiết của Chính phủ, hướng dẫn thi hành của các Bộ, ngành Trung ương và văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện của tỉnh, các Sở ngành chuyên môn; UBND huyện đã chỉ đạo các ngành, các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện; phối hợp với các tổ chức hội, đoàn thể tuyên truyền, phổ biến Luật Đất đai cho đội ngũ cán bộ và toàn thể nhân dân trên địa bàn thông qua các khóa tập huấn, các phương tiện truyền thanh, truyền hình... Kết quả đã tổ chức được 02 lớp tập huấn triển khai Luật Đất đai năm 2013 cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai tại địa phương; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đất đai theo kế hoạch hàng năm của ngành tư pháp cho toàn thể nhân dân trên địa bàn.

### **II. Kết quả đạt được:**

#### **1. Kết quả cấp GCNQSDĐ (tính từ ngày 01/01/2016 cho đến ngày 30/9/2019)**

##### **a) Kết quả cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn:**

###### *\* Nhóm đất ở:*

- Số hộ gia đình, cá nhân được cấp GCNQSDĐ 1.409 hộ<sup>1</sup> (thừa), đạt tỷ lệ 23,67%, diện tích 39,15 ha/215,86ha, đạt 18,13%;

- Số hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp GCNQSDĐ 4.542 hộ (thừa), đạt tỷ lệ 76,32%; diện tích còn lại cần cấp 176,71 ha/215,86 ha

###### *\* Nhóm đất nông nghiệp:*

- Số hộ gia đình, cá nhân được cấp GCNQSDĐ 2.167 hộ (thừa), đạt tỷ lệ 56,42%, diện tích 1.872,86 ha/3.067,85ha, đạt 61,05%;

- Số hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp GCNQSDĐ 1.674 hộ (thừa), đạt tỷ lệ 43,58 %, diện tích còn lại cần cấp 1.194,99/3.067,85 ha

###### *\* Nhóm đất phi nông nghiệp (bao gồm: đất sản xuất kinh doanh).*

- Số hộ gia đình, cá nhân được cấp GCN QSDĐ 12 hộ (thừa), đạt tỷ lệ 8,16 %; diện tích 0,16 ha/1,94ha, đạt 8,24%;

- Số hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp GCNQSDĐ 135 hộ (thừa), diện tích còn lại cần cấp 1,78 ha/1,94ha.

(Có Biểu 01 kèm theo)

##### **b) Kết quả cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân là người đồng bào dân tộc thiểu số:**

###### *\* Nhóm đất ở:*

- Số hộ gia đình, cá nhân được cấp GCNQSDĐ 362 hộ (thừa), đạt tỷ lệ

<sup>1</sup> 01 hộ tương ứng với 01 thừa.



54,85%; diện tích 10,16 ha/19,06 ha , đạt 53,30%;

- Số hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp GCNQSDĐ 298 hộ(thừa), đạt tỷ lệ 45,15%; diện tích 8,9 ha/19,06 ha, đạt 46,96%;

\* *Nhóm đất nông nghiệp:*

- Số hộ gia đình, cá nhân được cấp GCNQSDĐ 616 hộ, đạt tỷ lệ 31,06%; diện tích 512,15 ha/867,54, đạt 59,03%;

- Số hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp GCNQSDĐ 1367 hộ, đạt tỷ lệ 68,94%, diện tích 355,39ha/867,54 ha , đạt 40,96%;

(Có Biểu 02 kèm theo)

### **c) Kết quả cấp GCNQSDĐ cho tổ chức:**

\* *Nhóm đất nông nghiệp :*

- Số tổ chức được cấp GCNQSDĐ 06 tổ chức, diện tích 29.554,67 ha/30.961,47ha, đạt 95,46%;

- Diện tích chưa được cấp GCNQSDĐ 1.406,80ha/30.961,47ha, đạt 4,54%

\* *Nhóm đất phi nông nghiệp :*

- Số hộ tổ chức được cấp GCNQSDĐ 255 tổ chức, diện tích 573,59 ha/832,43ha, đạt 68,90%;

- Diện tích chưa được cấp GCNQSDĐ 258,84 ha/832,43 ha, đạt 31,10%

## **2. Kết quả thanh tra về cấp GCN QSD đất:**

Từ năm 2016 đến 30/6/2019, trên địa bàn huyện không triển khai công tác thanh tra riêng về cấp giấy chứng nhận QSD đất, mà tổ chức thanh tra về chấp hành pháp luật trong quản lý đất đai trên địa bàn huyện (tháng 10/2016); công tác giải quyết TTHC về cấp giấy chứng nhận QSD đất trên địa bàn huyện Đức Cơ (tháng 03/2019). Qua kết quả thanh tra, không phát sinh các vụ có liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số.

## **3. Tình hình tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến cấp GCN QSD đất:**

Từ năm 2016 đến 30/6/2019, trên địa bàn huyện Đức Cơ không tiếp nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến cấp GCN QSD đất của các hộ gia đình, cá nhân là người đồng bào dân tộc.

## **4. Hồ sơ đang thụ lý giải quyết: Không**

## **5. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:**

- Là một huyện vùng sâu, vùng xa, dân cư phân bố không tập trung, gần 50% hộ là người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, trình độ dân trí còn hạn chế, phong tục tập quán lạc hậu, do đó việc triển khai các văn bản pháp luật đến với người dân còn nhiều khó khăn.

- Tình trạng vi phạm pháp luật đất đai như mua bán, lấn chiếm đất đai trái phép, sử dụng không đúng mục đích vẫn còn diễn ra; việc đăng ký, cấp giấy chứng QSH tài sản trên đất hầu như không có nhu cầu, quá trình sử dụng đất có nhiều biến động, hồ sơ địa chính lập chưa đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, việc xây

dụng cơ sở dữ liệu đất đai còn chậm... gây khó khăn cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện.

- Trình độ dân trí của đa số người DTTS trên địa bàn huyện còn nhiều hạn chế, chưa nhận thức được quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất khi được cấp giấy chứng nhận QSD đất nên còn một số diện tích chưa thực hiện kê khai đăng ký cấp GCN QSD đất. Mặc dù, đã được UBND các xã, thị trấn tuyên truyền vận động. Đến nay, còn 364,29 ha đất (1.665 hộ) thuộc người ĐBDT đang sử dụng chưa được kê khai đăng ký cấp GCN.

### **III. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác cấp GCN QSD đất năm 2019 và những năm tiếp theo:**

#### **1. Nhiệm vụ:**

- Đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho nhân dân, đặc biệt là người DTTS (tính đến nay tỷ lệ cấp giấy chứng nhận toàn huyện đạt 95,50 % diện tích cần cấp), đảm bảo người sử dụng đất được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Phần đầu đến cuối năm 2019 tỷ lệ cấp giấy chứng nhận toàn huyện đạt 95,55 % diện tích cần cấp. Đến năm 2020, tỷ lệ cấp giấy chứng nhận toàn huyện đạt 96 % diện tích cần cấp.

#### **2. Giải pháp:**

- Tiếp tục tuyên truyền vận động người sử dụng đất (người DTTS) nhận thức được quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất khi được cấp giấy chứng nhận QSD đất để thực hiện kê khai cấp GCN QSD đất theo quy định

- Tiếp tục ban hành các văn bản thi hành pháp luật về đất đai được UBND các xã, thị trấn triển khai kịp thời; Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tháo gỡ cơ bản các vướng mắc trước đây trong công tác quản lý đất đai, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất thực hiện các quyền và nghĩa vụ.

- Công tác quản lý nhà nước về đất đai ngày càng được chú trọng và quan tâm, củng cố kiện toàn và nâng cao chất lượng cho cán bộ làm công tác chuyên môn đối với cấp huyện; 10/10 xã, thị trấn công chức Địa chính có trình độ Đại học, sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành để đáp ứng cơ bản về công tác quản lý nhà nước về đất đai .

- Thực hiện tốt công tác cải cách các thủ tục hành chính ngày càng tinh gọn, loại bỏ các thủ tục rườm rà, không cần thiết, công khai minh bạch về trình tự thủ tục, các loại nghĩa vụ tài chính theo quy định để mọi người dân được biết, tạo điều kiện tốt nhất cho công dân trong việc giao dịch liên quan đến đất đai. Đặc biệt tuyên truyền các chính sách của nhà nước đối với người DTTS về miễn, giảm tiền sử dụng đất khi được Nhà nước công nhận QSD đất;

#### **IV. Kiến nghị**

- Hiện nay, trên địa bàn huyện Đức Cơ có 1.085,5 ha (671 hộ ĐBDTTS) đất trồng cây hàng năm khác, được cấp giấy chứng nhận QSD đất thuộc diện tích vượt hạn mức (hạn mức giao đất không quá 02 ha) đã hết thời hạn sử dụng phải chuyển sang thuê đất theo quy định khoản 8, Điều 210 luật Đất đai năm

2013. Khi cơ quan chức năng yêu cầu lập thủ tục thuê đất, các đối tượng này cho rằng nguồn gốc đất do ông, bà, cha, mẹ tự khai hoang, phục hóa tạo ra quỹ đất sản xuất để lại, khi cấp giấy chứng nhận QSD đất theo hình thức công nhận QSD đất không phải là đối tượng được nhà nước giao đất. Do vậy, không thực hiện thủ tục thuê đất theo quy định. Mặt khác, phần lớn diện tích này đã chuyển sang trồng cây lâu năm.

Đây là vướng mắc chung trên địa bàn huyện tỉnh Gia Lai, huyện Đức Cơ nói riêng. Đề nghị Bộ tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp nêu trên.

- Hiện nay trên địa bàn huyện có 381 hộ đồng BDTTS thiếu đất sản xuất với diện tích 232,04 ha. Tại địa phương không còn quỹ đất để bố trí cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất; do đó, đề nghị có hình thức hỗ trợ cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất bằng các hình thức khác như: chuyển đổi nghề nghiệp, mua sắm nông cụ, máy móc, chăn nuôi...; Có các chương trình, dự án, chính sách cụ thể để hỗ trợ kịp thời cho các hộ thiếu đất sản xuất, nhằm ổn định, nâng cao đời sống cho các hộ dân. Đồng thời, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan bố trí kinh phí thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Bên cạnh đó, các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ vướng mắc trong khi thực hiện rà soát lại quỹ đất; kiên quyết thu hồi đất của các nông, lâm trường, các công ty sử dụng không hiệu quả, không đúng mục đích, để hoang hóa, bàn giao lại cho các địa phương quản lý, giao cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đang thiếu đất sản xuất.

UBND huyện báo cáo tình hình cấp giấy chứng nhận QSD đất cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Đức Cơ. /

**Nơi nhận:**

- Ban dân tộc tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Tài nguyên và MT;
- Lưu: VT-VP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trịnh Văn Thành**

**BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ CẤP GCNQSDĐ CHO HỘ  
GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN (2016-2019)**

(Kèm theo Báo cáo số: 771/BC-UBND, ngày 18 tháng 11 năm 2019 của UBND huyện Đức Cơ)

**Biểu số 01**

TT	Loại đất	Tổng số hộ, diện tích cần cấp tính đến năm 2016		Đã cấp						Số còn lại đã xét duyệt		Ghi chú
		Số hộ	Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số GCN	Tỷ lệ % theo số hộ	Tỷ lệ % GCN đã trao đến hộ	Số GCN còn lại	Số hộ	Diện tích (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=((5)/(3))*100	(9)=((5)-(10))/(5)*100	(10)	(11)	(12)	(13)
<b>Tổng toàn huyện</b>		<b>9.939</b>	<b>3.285,65</b>	<b>3.588</b>	<b>1.912,17</b>	<b>4.154</b>	<b>36,10</b>	<b>96,18</b>	<b>137</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>3.841</b>	<b>3.067,85</b>	<b>2.167</b>	<b>1.872,86</b>	<b>2.456</b>	<b>56,41</b>	<b>96,38</b>	<b>89</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Đất trồng cây hàng năm	1.622	1.427,11	858	885,47	1.002	52,89	96,41	36	0	0	
2	Đất trồng cây lâu năm	1.821	1.627,1	1.285	985,47	1.430	70,56	96,3	53	0	0	
3	Đất nuôi trồng thủy sản	398	13,64	24	1,92	24	6,03	100	0	0	0	
<b>II</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>147</b>	<b>1,94</b>	<b>12</b>	<b>0,16</b>	<b>12</b>	<b>8,16</b>	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông	147	1,94	12	0,16	12	8,16	100	0	0	0	
<b>III</b>	<b>Đất ở</b>	<b>5.951</b>	<b>215,86</b>	<b>1.409</b>	<b>39,15</b>	<b>1.686</b>	<b>23,67</b>	<b>97,15</b>	<b>48</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Đất ở nông thôn	4.927	206,40	1.196	34,60	1473	24,27	96,74	48	0	0	
2	Đất ở đô thị	1.024	9,46	213	4,55	213	20,80	100	0	0	0	



**BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ CẤP GCNQSDĐ CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIÊU SỞ TRÊN ĐỊA BÀN (2016-2019)**

(Kèm theo Báo cáo số: 771/BC-UBND, ngày 18 tháng 11 năm 2019 của UBND huyện Đức Cơ)

Biểu số 02

TT	Loại đất	Tổng số hộ, diện tích cần cấp tính đến năm 2016		Đã cấp						Số còn lại đã xét duyệt		Ghi chú
		Số hộ	Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số GCN	Tỷ lệ % theo số hộ	Tỷ lệ % GCN đã trao đến hộ	Số GCN còn lại	Số hộ	Diện tích (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=((5)/(3))*100	(9)=((5)-(10))/(5))*100	(10)	(11)	(12)	(13)
<b>Tổng toàn huyện</b>		<b>2.643</b>	<b>886,6</b>	<b>978</b>	<b>522,31</b>	<b>1.287</b>	<b>37,00</b>	<b>85,99</b>	<b>137</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>1.983</b>	<b>867,54</b>	<b>616</b>	<b>512,15</b>	<b>914</b>	<b>31,06</b>	<b>97,48</b>	<b>23</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Đất trồng cây hàng năm	770	216,88	246	118,52	413	31,95	98,06	8	0	0	
2	Đất trồng cây lâu năm	1.213	650,66	370	393,63	501	30,50	97	15	0	0	
3	Đất nuôi trồng thủy sản	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
<b>II</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
<b>III</b>	<b>Đất ở</b>	<b>660</b>	<b>19,06</b>	<b>362</b>	<b>10,16</b>	<b>373</b>	<b>54,85</b>	<b>90,61</b>	<b>35</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	Đất ở nông thôn	598	18,16	340	9,66	351	56,86	90,02	35	0	0	
	Đất ở đô thị	62	0,9	22	0,5	22	35,48	100	0	0	0	

